

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
50 Tôn Thất Đạm, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: 3.9141904 Fax: 3.9141910

-----*****-----

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 2/2015

THÁNG 08/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.978.271.276.446	1.258.160.561.478
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	269.889.101.067	387.209.093.464
1. Tiền	111		214.469.101.067	62.587.657.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.420.000.000	324.621.436.329
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.572.177.590.017	705.952.966.254
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131		37.129.220.507	37.310.298.007
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		402.871.683.266	61.397.107.992
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.02	1.020.175.448.241	384.071.835.369
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	122.337.466.370	231.344.558.220
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.336.228.367)	(8.170.833.334)
IV. Hàng tồn kho	140		135.955.501.606	151.599.440.098
1. Hàng tồn kho	141	V.04	135.955.501.606	151.599.440.098
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		249.083.756	13.399.061.662
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		249.083.756	-
3. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	153		-	13.399.061.662
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.263.325.755.227	5.418.453.553.103

I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.132.899.787.216	753.149.399.519
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		45.150.997.600	25.650.997.600
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	1.137.748.789.616	762.498.401.919
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(50.000.000.000)	(35.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		663.673.586.711	776.149.221.011
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.375.617.544	2.685.856.364
- Nguyên giá	222		6.543.810.400	6.543.810.400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.168.192.856)	(3.857.954.036)
4. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	661.297.969.167	773.463.364.647
Nguyên giá	228		1.045.064.171.896	1.045.064.171.896
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(383.766.202.729)	(271.600.807.249)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		83.205.286.994	74.879.060.408
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	83.205.286.994	74.879.060.408
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	3.291.955.611.342	3.699.479.141.462
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.848.735.623.793	1.963.186.291.891
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		908.893.509.435	1.046.530.082.599
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		73.200.000.000	228.636.288.858
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		461.126.478.114	461.126.478.114
V. Tài sản dài hạn khác	260		91.591.482.964	114.796.730.703
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	91.591.482.964	114.796.730.703
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.241.597.031.673	6.676.614.114.581

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		4.580.735.188.861	4.276.652.504.291
I. Nợ ngắn hạn	310		1.086.352.346.300	2.060.062.926.770
1. Phải trả nợ người bán ngắn hạn	311		335.147.989.416	334.812.102.685
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.613.875.885	1.613.875.885
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		54.886.321.161	49.810.730.489
5. Phải trả người lao động	314			10.347.485.685
10. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	317.414.595.017	293.691.508.983
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	314.258.551.422	1.317.894.983.221
12. Dự phòng khoản phải trả	321	V.13	48.534.083.235	48.534.083.235
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.496.930.164	3.358.156.587
II. Nợ dài hạn	330		3.494.382.842.561	2.216.589.577.521
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	261.189.985.047	244.403.577.521
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	2.194.816.993.056	774.064.000.000
6. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.16	1.038.375.864.458	1.198.122.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.660.861.842.812	2.399.961.610.290
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.660.861.842.812	2.399.961.610.290
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.026.095.380.000	1.867.549.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.026.095.380.000	1.867.549.040.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150.831.459.777	143.522.399.777
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		119.870.298.143	100.461.873.682
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		364.064.704.892	288.428.296.831
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.798.945.768	60.286.712.759
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		348.265.759.124	228.141.584.072
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.241.597.031.673	6.676.614.114.581

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại				
+ USD			1.155,67	1.155,08
+ EUR			-	

TPHCM, Ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






NG.T.TUYẾT NHUNG

NG.T.MAI HƯƠNG

LÊ QUỐC BÌNH

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

ĐỊA CHỈ: 50 TÔN THẤT ĐẠM, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 02a - DN

Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC ngày
22/12/2014 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

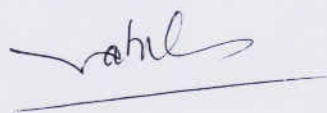
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	94.685.995.000	85.143.300.000	183.276.790.000	171.861.470.000
2. Các khoản giảm trừ	2		3.285.000.000	3.285.000.000	6.570.000.000	5.903.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		91.400.995.000	81.858.300.000	176.706.790.000	165.958.470.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		91.400.995.000	81.858.300.000	176.706.790.000	165.958.470.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	251.840.407.788	144.239.355.918	630.011.351.554	158.954.639.483
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	210.047.478.243	94.233.374.408	216.571.596.685	65.432.384.912
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>99.854.024.986</i>	<i>73.021.573.806</i>	<i>158.616.052.285</i>	<i>118.736.525.897</i>
8. Chi phí bán hàng	24		60.641.019.495	53.843.980.119	117.389.907.072	93.101.132.692
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.780.709.126	8.328.543.684	38.534.478.690	14.262.489.697
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh[30=20+(21-22)+24 - (25+26)]	30		60.772.195.924	69.691.757.707	434.222.159.107	152.117.102.182

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
11. Thu nhập khác	31		-	7.704.678	-	10.604.256
12. Chi phí khác	32		3.712.302.035	4.442.728	3.712.302.035	42.069.117
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.712.302.035)	3.261.950	-3.712.302.035	-31.464.861
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		57.059.893.889	69.695.019.657	430.509.857.072	152.085.637.321
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	(10.985.198.569)	(8.631.514.073)	66.608.264.715	8.236.390.941
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		0	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		68.045.092.458	78.326.533.730	363.901.592.357	143.849.246.380
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		336	694	1.796	1.275

Người lập biểu



NG.T.TUYẾT NHUNG

Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TP. HCM, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH

CÔNG TY MẸ-CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

ĐỊA CHỈ: 50 TÔN THẤT ĐẠM, QUẬN 1, TP.HCM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho niên độ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	176.314.837.500	229.597.860.173
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(13.654.146.542)	(8.040.683.288)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.290.706.600)	(10.983.654.962)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(175.639.888.693)	(151.959.219.694)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(13.544.092.359)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.392.037.634	262.370.908.930
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(79.621.099.569)	(283.850.275.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(98.498.966.270)	23.590.843.450
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(345.953.624.924)	(9.360.204.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.646.033.616.205)	(699.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.089.373.468.487	652.194.821.263
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(977.792.914.956)	(542.444.373.383)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.446.431.585.602	198.977.010.981
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	191.022.064.065	107.963.360.305
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(242.953.037.931)	(292.569.385.108)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của I	32	-	-

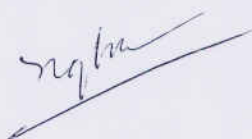
Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.618.208.943.120	2.209.952.751.478
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.164.551.603.016)	(1.398.045.611.908)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(229.525.328.300)	(133.648.345.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	224.132.011.804	678.258.793.780
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(117.319.992.397)	409.280.252.122
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	387.209.093.464	547.490.549.341
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	269.889.101.067	956.770.801.463

Người lập biểu



NG.T.TUYẾT NHUNG

Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

TPHCM, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Ông Giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 ngày 24 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 17 ngày 21 tháng 01 năm 2015. Vốn điều lệ của Công ty là 1.953.160.040.000 đồng, được chia thành 195.316.004 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 132.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là :

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng-kinh doanh- chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng- chuyển giao (BT);
- Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở, để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ thu phí giao thông
- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;
- Kinh doanh nhà ở, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính;
- Xây dựng Công trình dân dụng, Công trình Công nghiệp, Công trình giao thông, Công trình đường ống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng.
- Dịch vụ thiết kế, trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ.
- Kinh doanh nhà vệ sinh Công cộng, nhà vệ sinh lưu động, thu gom rác thải (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và rửa xe ô tô, xe gắn máy. Cung cấp nước sạch
- Cho thuê kho bãi

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị của các quyền thu phí giao thông và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ các hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do Sở tài chính làm đại diện. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán giữa Công ty và Sở Tài chính trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư xây dựng các dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu, theo đó giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có các công ty con như sau :

Tên Cty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	69,19%	98,85%
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	90,00%	90,00%
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	99,54%	99,54%
Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	51,06%	51,06%
Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn	55,94%	55,94%
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Hạ tầng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	100,00%	100,00%

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 30/06/2015, Công ty có các công ty liên kết như sau :

Tên Cty	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	49,00%	49,00%
Công ty CP Hòa Phú	30,00%	30,00%
Cty CP ĐT HT Kỹ thuật Vinaphil	36,38%	49,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	33,44%	43,00%
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	36,41%	36,41%
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	24,98%	24,98%

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong đó chi phí phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn của trái phiếu, các chi phí khác phân bổ trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T trong giai đoạn khai thác hoàn vốn sẽ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu hàng năm của ự án.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán và đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Lãi tiền gửi, tiền cho vay ghi nhận trên cơ sở dồn tích, lãi tiền gửi ngân hàng được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng; lãi tiền cho vay được tính căn cứ vào số dư khoản cho vay và lãi suất phù hợp với, hợp đồng vay; cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của đơn vị nhận đầu tư và công ty con.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	874.312.643	12.274.660
- Tiền gửi ngân hàng	213.594.788.424	62.575.382.475
- Khoản tương đương tiền	55.420.000.000	324.621.436.329
Cộng	269.889.101.067	387.209.093.464

V.2. Phải thu về cho vay ngắn hạn:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP XD Hạ tầng CII	39.493.706.786	104.000.000.000
Cty CP Đầu tư cầu đường CII	798.850.500.000	-
Công ty CP Đầu tư 577	27.610.676.919	20.713.270.833
Cty CP Đầu tư và XD XLHN	124.858.564.536	149.358.564.536
Cty CP Đầu tư XD Tuần Lộc	29.362.000.000	110.000.000.000
Cộng	1.020.175.448.241	384.071.835.369

V.3. Phải thu ngắn hạn khác:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP XD Hạ tầng CII	-	31.852.089.600
Cty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	11.596.445.000	4.453.415.000
Dự án MR BOT XLHN -Cty CP XD Hạ tầng CII	1.340.895.707	245.250.000
Cty CP Đầu tư cầu đường CII	36.904.542.255	10.063.558.989
Cty TNHH MTV DĐT KD địa ốc Lữ Gia	-	73.943.500.000
Công ty CP ĐT hạ tầng kỹ thuật Vinaphil	-	42.522.522.222
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	6.470.833.334	6.470.833.334
Công ty CP Đầu tư 577	93.159.320	1.807.950.342
Cty CP ĐTXD cầu đường Bình Triệu		0
Công ty CP BOO Nước Đồng Tâm	34.595.029.218	32.999.999.999
Cty CP xây dựng Cầu Sài Gòn		
Lãi Vốn Chủ DA BOT Cầu Rạch Chiếc	13.140.000.000	13.140.000.000
Lãi trái phiếu Cty CP Đầu tư và XD XLHN		0
Cty CP Đầu tư và XD XLHN	7.950.509.120	10.747.336.003

Cty CP Xây dựng cầu Sài Gòn	-	112.860.000
Cty CP Đầu tư XD Tuần Lộc	3.058.466.666	625.416.666
Cổ tức các khoản đầu tư vào các cty	1.700.000.000	1.700.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	357.331.109	-
Phải thu khác	5.130.254.641	659.826.065
Cộng	-	122.337.466.370
		-
		231.344.558.220

V.4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí dở dang đầu tư	135.955.501.606	151.599.440.098
Cộng	-	135.955.501.606
		151.599.440.098
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	-	135.955.501.606
		-
		151.599.440.098

V.5. Phải thu dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	101.826.277.860	1.826.277.860
- Cty CP Đầu tư cầu đường CII (Chuyên nhượng các dự án cầu đường)	957.448.638.146	701.279.248.049
- Lãi Vốn Chủ DA BOT Cầu Rạch Chiếc	28.473.873.610	35.043.873.610
- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	1.137.748.789.616	788.149.399.519

Dự phòng khoản phải thu dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trái phiếu Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	(50.000.000.000)	(35.000.000.000)
Cộng	(50.000.000.000)	(35.000.000.000)

V.5 Tài sản cố định hữu hình:

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số đầu kỳ	176.846.400	6.331.864.000	35.100.000	6.543.810.400
- Mua trong kỳ				-
- Đầu tư XDCB hoàn thành				-
- Tăng khác				-
- Chuyển sang công cụ LD (*)				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác (*)				-
Số cuối kỳ	176.846.400	6.331.864.000	35.100.000	6.543.810.400
Khấu hao				
Số đầu kỳ	176.846.400	3.646.007.636	35.100.000	3.857.954.036
- Khấu hao trong kỳ		310.238.820		310.238.820
- Tăng khác				-
- Chuyển sang CCDC (*)				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
- Giảm khác (*)				-
Số cuối kỳ	176.846.400	3.956.246.456	35.100.000	4.168.192.856
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	-	2.685.856.364	-	2.685.856.364
Số cuối kỳ	-	2.375.617.544	-	2.375.617.544

* Nguyên giá TSCĐ đến 30/06/2015 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.288.046.056 đồng

V.6 Tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Phần mềm vi tính	Quyền thu phí giao thông	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số đầu kỳ	-	1.045.064.171.896	1.045.064.171.896
Số cuối kỳ			-
- Tăng do hoàn thành đầu tư			-
- Giảm khác (*)			-
Số cuối kỳ	-	1.045.064.171.896	1.045.064.171.896

Khoản mục	Phần mềm vi tính	Quyền thu phí giao thông	Tổng cộng
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	271.600.807.249	271.600.807.249
- Khấu hao trong kỳ		112.165.395.480	112.165.395.480
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác (*)			-
Số cuối kỳ	-	383.766.202.729	383.766.202.729
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	773.463.364.647	773.463.364.647
Số cuối kỳ	-	661.297.969.167	661.297.969.167

V.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tổng số chi phí XD CB dở dang	83.205.286.994	74.879.060.408
Trong đó (Những công trình lớn):		
+ Dự án di dời hạ tầng XLHN	1.409.110.255	1.366.443.583
+ Dự án 152 Điện Biên Phủ	74.864.889.421	69.592.791.323
+ Dự án BOT Cần Bình Triệu	524.425.112	524.425.112
+ Di dời đường dây cao thế Bến Thành-Suối Tiên	1.730.880.378	1.532.018.562
+ Di dời tái lập tuyến cấp nước	1.063.322.721	1.031.600.325
+ Dự án Nhà máy xử lý nước thải Suối Nhum	28.013.322	28.013.322
+ Dự án Diamond Riverside	18.740.454	18.740.454
+ Dự án khu đô thị Thủ Thiêm quận 2	3.565.905.331	785.027.727

V.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
a. Đầu tư vào Cty con	-	1.848.735.623.793	-	1.963.186.291.891
Cty CP ĐT XD cầu đường Bình Triệu		69.382.887.750		69.382.887.750
Cty CP Đầu tư Cao Ốc VP 152 ĐBP		270.000.000.000		270.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII		415.518.513.904		415.518.513.904
Cty CP ĐT&XD Xa lộ Hà Nội		-		233.376.000.000
Cty CP Đầu tư cầu đường CII		453.450.560.076		146.387.408.179
Cty CP ĐT&PT xây dựng Ninh Thuận		-		251.361.482.058
Cty TNHH MTV đầu tư KD địa ốc Lữ Gia		150.000.000.000		150.000.000.000
Cty TNHH MTV Dịch vụ Hạ Tầng		5.000.000.000		5.000.000.000
Cty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		-		422.160.000.000
Cty CP Hạ tầng nước Sài Gòn		485.383.662.063		-
<i>Lý do thay đổi: Đầu tư, chuyển nhượng vốn góp.</i>				
b. Đầu tư vào Cty liên kết, liên doanh		908.893.509.435	-	1.046.530.082.599
Cty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	14.533.815	312.583.113.435		-
Cty CP BOO nước Đồng Tâm		183.750.000.000		183.750.000.000
Cty CP Hòa Phú		33.000.000.000		33.000.000.000
Cty CP Hạ tầng nước Sài Gòn		-		392.586.063.315
Cty CP ĐT HT Kỹ thuật Vinaphil		327.442.500.000		327.442.500.000
Cty CP Vận tải bến bãi Sài Gòn		6.967.896.000		6.967.896.000
Cty TNHH BOT cầu Rạch Miễu		-		70.533.623.284
Cty CP Đầu tư Nước Tân Hiệp		45.150.000.000		32.250.000.000
<i>Lý do thay đổi: Đầu tư, chuyển nhượng vốn góp.</i>				
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.200.000.000		793.762.766.972
- Đầu tư cổ phiếu		29.500.000.000		159.285.291.258
Công ty CP 577		-	5.967.855	129.785.291.258
Cty CP ĐT & Phát triển XD	-	29.500.000.000	-	29.500.000.000
- Đầu tư trái phiếu		-		-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		-		-
- Hợp tác đầu tư		43.700.000.000	-	634.477.475.714
DA BOT cầu Đồng Nai		9.000.000.000		9.000.000.000
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ		29.700.000.000		29.700.000.000
DA Mê Kông-Tiền Giang		5.000.000.000		5.000.000.000
<i>Lý do thay đổi: Góp bổ sung tăng vốn vào các dự án, thu về một phần vốn góp.</i>				

d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	461.126.478.114	793.762.766.972
DA khu Cổ Mễ - Cty Vườn Việt	2.165.395.033	2.165.395.033
DA Chung cư NBB_Cty 577	458.961.083.081	458.961.083.081
Tổng cộng	3.291.955.611.342	3.803.479.141.462

V.10 Chi phí trả trước dài hạn:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	184.970.542	148.238.269
Chi phí in vé cầu đường	916.304.260	754.862.738
Chi phí phát triển dự án	1.475.121.021	2.873.175.136
Lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc chờ phân bổ (*)	89.015.087.141	86.290.569.921
Chi phí phát hành trái phiếu 650 tỷ Vietinbank	-	5.216.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	19.513.884.639
Cộng	91.591.482.964	114.796.730.703

Lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch chiếc chờ phân bổ (*): thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính , chi phí lãi vay của dự án này được phân bổ vào chi phí theo tỷ lệ doanh thu cùng kỳ

V.11 Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cổ tức còn thanh toán	2.261.048.400	1.397.082.380
- Bảo hiểm y tế	2.068.830	925.990
- Lãi trái phiếu phải trả	31.459.479.253	15.608.464.079
- Chi phí bảo lãnh, lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	6.764.844.389	8.144.099.638
- Công ty CP Đầu tư cầu đường CII	-	29.030.216.397
- Cty CP đầu tư XD Cầu đường Bình Triệu	60.579.819.447	15.500.000.000
- Cty CP Đầu tư cao Ốc VP ĐBP	175.174.358.105	176.278.891.733
- Cty CP Đầu tư & XD XLHN	-	9.238.174.206
- Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP	26.881.106.833	27.867.320.600
- Phải trả Khu QLGT đô thị số 2 về chi phí duy tu trạm thu phí	14.241.869.760	10.576.333.960
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.000.000	50.000.000
Cộng	317.414.595.017	293.691.508.983

<i>V.12 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay ngắn hạn	12.541.551.422	5.220.983.221
Cty CP chứng khoán TP.HCM	12.541.551.422	5.220.983.221
- Vay dài hạn đến hạn trả	301.717.000.000	1.312.674.000.000
Cộng	314.258.551.422	1.317.894.983.221

<i>V.13 Dự phòng khoản phải trả</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Dự phòng chi phí phải trả cho Nhà đầu tư Nước ngoài	48.534.083.235	48.534.083.235
Cộng	48.534.083.235	48.534.083.235

<i>V.14 Phải trả dài hạn khác</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII	215.432.633.936	211.546.226.410
- Chuyển nhượng đầu tư dự án nước với Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn	45.757.351.111	32.857.351.111
Cộng	261.189.985.047	244.403.577.521

<i>V.15 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Vay Ngân hàng	1.020.691.000.000	975.738.000.000
Ngân hàng TMCP XNK VN	245.000.000.000	280.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN_CN 11	575.691.000.000	695.738.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	200.000.000.000	-
- Trái phiếu phát hành	1.475.842.993.056	1.111.000.000.000
Trái phiếu thông thường	1.475.842.993.056	1.111.000.000.000
Cộng	2.496.533.993.056	2.086.738.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	301.717.000.000	1.312.674.000.000
Cộng	2.194.816.993.056	774.064.000.000

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch sau:

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trong vòng một năm	301.717.000.000	1.312.674.000.000
Trong năm thứ hai	486.300.000.000	432.012.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.708.516.993.056	1.540.174.000.000
	2.496.533.993.056	3.284.860.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	301.717.000.000	1.312.674.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	2.194.816.993.056	1.972.186.000.000

V.17 *Vốn chủ sở hữu*

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	5	5	6
Số dư đầu năm trước	1.128.615.000.000	72.253.439.777	96.158.248.046	203.699.077.886	1.500.725.765.709
- Tăng vốn trong năm nay	738.934.040.000				738.934.040.000
- Lãi trong năm nay		71.268.960.000		235.531.127.129	306.800.087.129
- Trích các quỹ từ lợi nhuận năm			4.303.625.636	8.048.936.377	12.352.562.013
- Tăng khác					-
- Chia lợi nhuận cho đối tác từ hợp đồng hợp tác đầu tư				7.389.543.057	7.389.543.057
- Chi cổ tức cho cổ đông				135.361.800.000	135.361.800.000
- Giảm khác				1.628.750	1.628.750
Số dư đầu năm nay	1.867.549.040.000	143.522.399.777	100.461.873.682	288.428.296.831	2.399.961.610.290
- Tăng vốn trong năm nay	158.546.340.000				158.546.340.000
- Lãi trong năm nay				363.901.592.357	363.901.592.357
- Chênh lệch chuyển đổi trái phiếu		7.327.660.000			7.327.660.000
- Trích các quỹ từ lợi nhuận			19.408.424.461	38.816.848.922	58.225.273.383
- Chia lợi nhuận cho đối tác từ hợp đồng hợp tác đầu tư				15.099.261.574	15.099.261.574
- Chi cổ tức cho cổ đông				234.349.084.800	234.349.084.800
- Chi phí chuyển đổi trái phiếu		18.600.000			18.600.000
- Tăng khác				11.000	11.000
Số dư cuối kỳ	2.026.095.380.000	150.831.459.777	119.870.298.143	364.064.704.892	2.660.861.842.812

Cổ phiếu

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	202.609.538	186.780.904
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	202.609.538	186.754.904
+ Cổ phiếu phổ thông	202.609.538	186.754.904
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	195.290.904	186.754.904
+ Cổ phiếu phổ thông	195.290.904	186.754.904
- Số lượng cổ phiếu chưa niêm yết *	7.318.634	-
+ Cổ phiếu phổ thông	7.318.634	-

** Đây là số lượng cổ phiếu được chuyển đổi trong đợt 2 ngày 23/06/2015 từ trái phiếu chuyển đổi (phát hành ngày 26/03/2014) đang chờ văn bản chấp thuận niêm yết lưu hành của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

		Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
VI.1.	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	94.685.995.000	86.718.170.000	183.276.790.000	171.861.470.000
	Trong đó:				
	- Doanh thu thu phí dự án BOT	94.685.995.000	85.143.300.000	183.276.790.000	171.861.470.000
	Cộng	94.685.995.000	85.143.300.000	183.276.790.000	171.861.470.000
	<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	3.285.000.000	3.285.000.000	6.570.000.000	5.903.000.000
	- Giảm giá hàng bán				
	- Giảm trừ doanh thu vốn chủ dự án B.O.T cầu Rạch Chiếc	3.285.000.000	3.285.000.000	6.570.000.000	5.903.000.000
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	91.400.995.000	81.858.300.000	176.706.790.000	165.958.470.000
VI.2.	<i>Giá vốn hàng bán</i>				
	- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-	-	-
	Cộng	-	-	-	-
VI.3.	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>				
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.955.531.776	3.204.498.051	34.857.763.201	8.691.577.753
	- Cổ tức, lợi nhuận được chia	110.432.750.000	122.828.272.696	131.185.152.799	128.747.543.280
	- Doanh thu hoạt động tài chính khác	121.452.126.012	18.206.585.171	463.968.435.554	21.515.518.450
	Cộng	251.840.407.788	144.239.355.918	630.011.351.554	158.954.639.483
VI.4.	<i>Chi phí tài chính</i>				
	- Lãi tiền vay	99.854.024.986	73.021.573.806	158.616.052.285	118.736.525.897
	- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(712.391.131)	2.741.567.645	-	(79.424.853.429)
	- Chi phí tài chính khác	110.905.844.388	18.470.232.957	57.955.544.400	26.120.712.444
	Cộng	210.047.478.243	94.233.374.408	216.571.596.685	65.432.384.912

VI.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Lũy kế từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VNĐ)	Lũy kế từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VNĐ)
	Hoạt động	Hoạt động
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	430.509.857.072	152.085.637.321
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	131.185.152.799	128.747.543.280
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.440.135.342	14.044.158.598
Thu nhập chịu thuế	302.764.839.615	37.382.252.639
Thuế suất thông thường	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.608.264.715	8.224.095.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung		12.295.360
Thuế TNDN được miễn giảm (**)		
Thuế TNDN còn phải nộp	66.608.264.715	8.236.390.941
Tổng cộng thuế TNDN phải nộp	66.608.264.715	8.236.390.941

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

VII.1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 (VNĐ)	Lũy kế từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 (VNĐ)
Lương	3.955.647.588	3.149.981.588
Thu nhập khác	7.563.292.323	2.339.461.569
Cộng	11.518.939.911	5.489.443.157

VII.2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

VII.3. Số liệu so sánh

Người lập



NG.T.TUYẾT NHUNG

Kế toán trưởng



NG.T.MAI HƯƠNG

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC BÌNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM**
50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Tp.HCM
ĐT: 39141 904 Fax: 39141 910

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 630/2015/CV-CII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

V/v: giải trình chênh lệch kết quả hoạt động
kinh doanh Công ty Mẹ quý 2/2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh quý 2/2015 của Công ty Mẹ như sau:

Lợi nhuận sau thuế kỳ này đạt 68,05 tỷ đồng, giảm 10,28 tỷ đồng - tương đương tỷ lệ 13,1% so với quý 02/2014. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng đầu năm 2015 đạt 363,9 tỷ đồng, tăng 252,97% so với cùng kỳ năm trước.

Trong kỳ, kết quả hoạt động kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước là do:

- Hoạt động thu phí của công ty hiện đã đi vào ổn định, doanh thu thu phí 6 tháng đầu năm 2015 đạt 183,3 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ giảm (giảm 12 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.
- Với mục tiêu trọng yếu của CII trong các năm sắp tới là “phát triển bền vững”, do đó, công ty CII đã và đang thực hiện đầu tư chủ yếu thông qua các công ty con và công ty liên kết. Việc đầu tư này nhằm đầu tư chuyên sâu vào từng lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư vốn và kiểm soát được rủi ro tốt hơn tại các đơn vị thành viên. Do đó, trong thời gian qua, công ty CII đã chuyển nhượng một số dự án đã đầu tư từ các năm trước qua cho các đơn vị thành viên của công ty CII. Qua đó, tạo điều kiện cho các đơn vị thành viên sẽ phát huy được tính chủ động tích cực hơn trong hoạt động kinh doanh của mình. Vì vậy, doanh thu trong kỳ sẽ được ghi nhận tại các đơn vị thành viên, điều này đồng nghĩa với việc lợi nhuận trong kỳ của Công ty mẹ sẽ giảm sút, việc giảm lợi nhuận này không nằm ngoài dự đoán của công ty, tuy nhiên, khi hợp nhất lại kết quả hoạt động kinh doanh đạt được của Công ty CII sẽ cao.

Chi tiết về báo cáo tài chính quý 2 năm 2015 của Công ty CII, vui lòng xem tại website: www.cii.com.vn.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT



LÊ QUỐC BÌNH